

Bản án số **33/2019/KDTM- PT**

Ngày: 24/4/2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng thầu
khoán*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Bình

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh

Bà Ngô Thị Tuyết Băng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Ông Phạm Thành Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 24/ 4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 115/2018/TLPT-KDTM ngày 17/12/2018 về việc Tranh chấp Hợp đồng thầu khoán. Do bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2018/ KDTM-ST ngày 18/9/2018 của Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội bị ông Lưu Văn B kháng cáo đối với một phần bản án về số tiền lãi; Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng đô thị T kháng cáo toàn bộ bản án, Viện Kiểm sát nhân dân quận H, thành phố Hà Nội kháng nghị toàn bộ bản án.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2019/QĐXX-PT ngày 02/4/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lưu Văn B sinh năm 1982

Trú tại: Bản Q, xã M, huyện N, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng đô thị T

Địa chỉ trụ sở: Số 20 ngõ 36/19 Phố T, phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L - Chức vụ: Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Ngọc T (Theo văn bản ủy quyền số 99/UQ ngày 20/12/2018).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, Nguyên đơn là ông Lưu Văn B trình bày:

Ngày 20/10/2016, ông Lưu Văn B ký hợp đồng giao khoán số 2010 CTS/2016/HĐNC-TP với Công ty cổ phần Hạ tầng đô thị T (viết tắt là Công ty T) để thi công đoạn đường Km 446 –Km454+500 thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp quốc lộ 37 đoạn Đường G, Sơn La. Ông B đã cho nhân công thực hiện hợp đồng đầy đủ thành 03 đợt, tuy nhiên Công ty T đã vi phạm hợp đồng và chưa thanh toán đủ tiền cho ông, cụ thể:

Đợt 1: Giá trị nghiệm thu là 121.418.000 đồng, Công ty T đã thanh toán gần hết, còn lại 1.700.000 đồng chưa thanh toán và giá trị giữ lại bảo hành là 18.212.700 đồng.

Đợt 2: Giá trị công việc hoàn thành theo hợp đồng là 134.904.000 đồng, tiền Công ty đã tạm ứng là 38.625.000 đồng. Công ty T đã thanh toán 40.000.000 đồng. Công ty T còn phải thanh toán cho ông số tiền 54.001.100 đồng và giữ lại để bảo hành là 20.190.600 đồng.

Đợt 3: Tổng khối lượng đã thi công được liệt kê chi tiết và đã được ông T Văn Đ xác nhận bao gồm:

Bê tông công M150: $84,48 \text{ m}^3 \times 500.000 \text{ đồng/m}^3 = 42.040.000 \text{ đồng}$.

Lắp ghép ống cống D> 1000: $22,00 \times 150.000 \text{ đồng/CK} = 3.300.000 \text{ đồng}$.

Lắp ghép ống cống D> 1000: $4,00 \times 100.000 \text{ đồng/CK} = 400.000 \text{ đồng}$.

Đá dăm đệm móng: $23,32 \text{ m}^3 \times 150.000 \text{ đồng/m}^3 = 3.498.000 \text{ đồng}$.

Xếp khan đá hộc: $21,80 \text{ m}^3 \times 150.000 \text{ đồng/m}^3 = 3.270.000 \text{ đồng}$.

Xây đá hộc: $91 \text{ m}^3 \times 450.000 \text{ đồng/m}^3 = 40.959.000 \text{ đồng}$.

Bốc xi măng xuống công trường: $60 \text{ tấn} \times 20.000 \text{ đồng/tấn} = 1.200.000 \text{ đồng}$.

Công nhật từ tháng 2 đến hết tháng 5 năm 2017: $74,5 \text{ công} \times 230.000 \text{ đồng/công} = 17.135.000 \text{ đồng}$.

Tiền cũ kế toán Tiệp chuyển nợ công nhật: 5.625.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền thi công đợt 3 mà Công ty T phải thanh toán cho ông Lưu Văn B là 117.427.000 đồng.

Ông Lưu Văn B khởi kiện Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng đô thị T ra Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội, đề nghị Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng đô thị T phải thanh toán tiền công trình QL 37 - Sơn La còn thiếu là:

192.437.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày khởi kiện 10/01/2018 với lãi suất là 9%/năm.

Bị đơn là Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng đô thị T do ông Trần Ngọc T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Xác nhận ngày 20/10/2016, ông Lưu Văn B ký hợp đồng giao khoán số 2010 CTSL/2016/HĐNC-TP với Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng đô thị T để thi công đoạn đường Km 446 –Km454+500 thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp quốc lộ 37 đoạn đường G, Sơn La. Theo hợp đồng thì ông Lưu Văn B sẽ cung cấp công nhân để thi công công trình. Công ty đã thanh toán 03 đợt tương ứng với khối lượng và đơn giá giao khoán cho ông B. Tổng khối lượng mà anh B đã thi công tính ra bằng tiền là 300.380.700 đồng. Trong đó có 15 % tương ứng 45.057.105 đồng Công ty giữ lại để bảo hành. Số tiền Công ty phải thanh toán là 255.323.595 đồng, Công ty đã thanh toán 189.408.000 đồng, còn nợ 65.915.595 đồng chưa thanh toán và số tiền bảo hành.

Việc ông Lưu Văn B khởi kiện yêu cầu như trong đơn khởi kiện, Công ty T không chấp nhận toàn bộ yêu cầu trên mà chỉ chấp nhận còn nợ số tiền 65.915.595 đồng chưa thanh toán và tiền bảo hành là 45.507.105 đồng. Tổng số tiền mà Công ty T chấp nhận còn nợ là: 110.972.700 đồng. Công ty T cho rằng giữa Công ty và ông Lưu Văn B chưa đối chiếu và ký được công nợ với nhau nên không biết cụ thể là bao nhiêu. Vì vậy, Công ty T không chấp nhận về phần về xây đá học và một phần công nhật.

Bản án sơ thẩm số 07/2018/KDTM-ST ngày 18/ 9/2018 của Toà án nhân dân quận H đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Văn B đối với Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng đô thị T Buộc Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng đô thị T phải thanh toán cho anh Lưu Văn B số tiền 203.261.581 đồng (Hai trăm linh ba triệu, hai trăm sáu mươi một nghìn, năm trăm tám mươi một đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 192.437.000 đồng và số tiền lãi 10.824.581 đồng theo hợp đồng giao khoán số 2010 CTSL/2016/HĐNC-TP ký ngày 20/10/2016.

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/10/2018 ông Lưu Văn B kháng cáo đối với một phần bản án với lý do bản án sơ thẩm xác định về số tiền lãi do trạm thanh toán Bị đơn phải trả ông thấp (09 tháng) mà phải tính từ ngày 08/7/2017 đến ngày 18/9/2018 (14 tháng);

Ngày 28/9/2018 Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng đô thị T kháng cáo toàn bộ bản án với lý do bản án sơ thẩm chưa khách quan, không đúng quy định pháp luật,

không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của bị đơn.

Ngày 02/10/2018 Viện Kiểm sát nhân dân quận H kháng nghị đối với toàn bộ Bản án sơ thẩm số 07/2018/KDTM-ST ngày 18/9/2018 của Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi và toàn bộ yêu cầu kháng cáo trên.

- Bị đơn Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng đô thị T đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu kháng cáo.

Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Đơn kháng cáo hợp lệ, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm thông báo cho các đương sự kháng cáo nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng là chưa đúng quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định phần án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Thẩm phán và các đương sự thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Kháng cáo của các đương sự và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận H:

Đối với kháng cáo của ông Lưu Văn B Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tiếp theo ông B đều yêu cầu tính lãi 9% từ ngày 08/7/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 18/9/2018. Nhưng tại phần tranh tụng Bản án xác định thời điểm tính lãi từ 10/01/2018 khi không thể hiện việc ông B rút một phần yêu cầu tính lãi từ ngày 08/7/2017 chuyển sang thời điểm bắt đầu tính lãi là ngày 10/01/2018. Bản án sơ thẩm xác định thời điểm tính lãi từ ngày nhận đơn đến ngày xét xử 18/9/2018 là không phù hợp và không có căn cứ. Ông B kháng cáo về nội dung này là có cơ sở.

Đối với kháng cáo của Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng đô thị T về việc không chấp nhận khối lượng đá học và số ngày công nhật của công nhân là không có căn cứ. Về lý do không chấp nhận tính lãi do chưa đối chiếu và chưa được chủ đầu tư nghiệm thu là không đúng theo thỏa thuận tại khoản 2 Điều 5 của Hợp đồng hai bên đã ký kết.

Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận H: Bản án sơ thẩm áp dụng cách tính lãi xuất bằng biện pháp tự thu thập dữ liệu lấy từ Webservice: hocktrovaytiennganhang.com để ấn định mức lãi 7,5%/năm mà không chấp nhận mức lãi 9% /năm theo đề nghị của ông B. Việc thu thập chứng cứ như trên là trái quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc lấy dữ liệu bằng trang Web không

thuộc cơ quan nào quản lý chịu trách nhiệm không nằm trong các biện pháp thu thập chứng cứ của tòa án được quy định tại điều khoản 2 Điều 97 Bộ luật Tố tụng Dân sự, không chỉ sai về thủ tục tố tụng mà còn sai về đối tượng áp dụng. Việc điều tra thu thập chứng cứ chưa đầy đủ của Tòa án cấp sơ thẩm đã được làm rõ tại cấp phúc thẩm và không làm thay đổi bản chất vụ án nên không cần hủy án. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo nội dung sửa lại số tiền nợ gốc mà ông B đã yêu cầu Công ty T phải thanh toán. Vì trong số tiền nợ gốc này ông B đã yêu cầu khoản tiền 5% bảo hành ông B đã tính hai lần.

Từ những phân tích trên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm số 07/2018/KDTM-ST ngày 18/9/2018 của Tòa án nhân dân quận H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

1. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm Nguyên đơn, Bị đơn kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân quận H kháng nghị toàn bộ bản án. Quyết định kháng nghị, Đơn kháng cáo đúng thời hạn, đương sự đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo là hợp lệ. Tuy nhiên theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì sau khi Tòa án sơ thẩm xét xử, nguyên đơn và bị đơn đều kháng cáo nên mỗi bên phải nộp số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng nhưng Tòa án sơ thẩm chỉ cho nguyên đơn, bị đơn mỗi bên nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm là thiếu sót cần rút kinh nghiệm. Đây là vụ án Kinh doanh thương mại về tranh chấp hợp đồng thầu khoán trong lĩnh vực xây dựng nhưng Tòa án nhân dân quận H không áp dụng luật Xây Dựng khi xét xử là thiếu sót cần rút kinh nghiệm.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn. Tại phiên tòa có mặt Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của Bị đơn nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

2. Về yêu cầu kháng cáo của đương sự và kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân quận H:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 20/10/2016, Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng đô thị T và ông Lưu Văn B ký kết hợp đồng giao khoán số 2010 CTSL/2016/HĐNC-TP để thi công đoạn đường Km 446 – Km454+500 thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp quốc lộ 37 đoạn đường G, Sơn La. Việc hai bên ký kết hợp đồng là tự

nguyên, không trái quy định pháp luật, phù hợp với các quy định tại Điều 401, Điều 402; Điều 403; Điều 404; Điều 405; Điều 406 của Bộ luật dân sự năm 2005, Luật Xây Dựng 2003 được sửa đổi bổ xung năm 2009 do đó hợp đồng có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Về quá trình thực hiện hợp đồng:

Theo quy định tại hợp đồng giao khoán số 2010 CTSL/2016/HĐNC-TP ngày 20/10/2016. Sau khi ký kết hợp đồng ông Lưu Văn B đã tiến hành cho công nhân tiến hành thi công thành 03 đợt:

Đợt 1 Công ty T đã thanh toán còn lại 1.700.000 đồng chưa thanh toán và giá trị giữ lại bảo hành là 18.212.700 đồng.

Đợt 2 giá trị công việc hoàn thành là 134.904.000 đồng, Công ty đã tạm ứng là 38.625.000 đồng. Công ty T đã thanh toán 40.000.000 đồng. Công ty T còn phải thanh toán cho ông số tiền 54.001.100 đồng và giữ lại để bảo hành là 20.190.600 đồng.

Đợt 3 khối lượng đã thi công được liệt kê chi tiết và đã được ông T Văn Đ xác nhận với tổng số tiền là 117.427.000 đồng nhưng Công ty T chưa thanh toán cho ông Lưu Văn B.

Tổng số tiền Ông Lưu Văn B yêu cầu Công ty T phải thanh toán nợ gốc của 03 đợt thi công là 192.437.000 đồng. Tuy nhiên, tài liệu trong hồ sơ do các bên đương sự cung cấp thể hiện: Đợt 1 Công ty T còn nợ ông B là 1.700.000 đồng chưa thanh toán; đợt 2 Công ty T chưa thanh toán cho ông B số tiền 54.001.100 đồng; đợt 3 tổng số tiền thi công là 117.427.000 đồng nhưng Công ty T chưa thanh toán cho ông Lưu Văn B Tuy nhiên trong số tiền 192.437.000 đồng ông B yêu cầu bao gồm cả 5% tiền bảo hành và ông B đã tính số tiền bảo hành này 2 lần để yêu cầu Công ty T phải thanh toán, như vậy số tiền bảo hành được cộng vào lần thanh toán đợt 2 sẽ không được chấp nhận. Sau khi trừ đi số tiền bảo hành ông Lưu Văn B tính hai lần, tổng cộng cả 3 đợt thi công, Công ty T chưa thanh toán cho ông Lưu Văn B số tiền là 167.494.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

Đối với phần công nhật và khối lượng xây đá hộc Công ty T không chấp nhận thanh toán cho ông Lưu Văn B (Số tiền này nằm trong yêu cầu thanh toán đợt 3 của ông Lưu Văn B) Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Ông Trần Ngọc T đại diện cho Bị đơn cho rằng bên Công ty T không thuê ông Lưu Văn B thực hiện phần công nhật nhưng theo hồ sơ thể hiện về công nhật thì từ tháng 2/2017 đến tháng 05/2017 là 74,5 công có ông T và ông Đ chỉ huy trưởng Công trình xác nhận ngày 19/07/2017. Từ ngày 28/11/2016 đến ngày 10/01/2017 là 61 công có ông T, ông Đ là chỉ huy trưởng Công trình xác nhận ngày 12/4/2017 (thực tế đã thanh toán 61 công). Tổng cộng số ngày công là 135,5 công = 31.165.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù chưa được trực tiếp lãnh đạo Công ty T ký đối chiếu số ngày công và chốt công nợ nhưng thực tế các

bảng xác nhận khối lượng và công việc hoàn thành có ông T ông Đ và ông T là những người trực tiếp giám sát xác nhận thực tế ông B đã thi công nên số tiền công nhật ông B yêu cầu thanh toán là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

- Về xây đá hộc: Bị đơn cho rằng khối lượng được tư vấn giám sát đo đạc và chủ đầu tư nghiệm thu thanh toán tổng cộng của đợt 2 là 167,71m³.

Tuy nhiên, tài liệu trong hồ sơ thể hiện: Ngày 19/07/2017 thi công đợt 3 có ông Đ xác nhận khối lượng thi công là 91m³. Thi công đợt 2 ngày 24/04/2017 ông Trần Văn K xác nhận khối lượng xây đá hộc 299,12m³. Tổng cộng 02 đợt là 390,12m³ = 175.554.000 đồng. Đối chiếu với quy định khoản 2 Điều 4 của hợp đồng: *“Bên A chỉ nghiệm thu sản phẩm công việc hoàn thành, công trình và các hạng mục công trình dự án do bên B thực hiện theo hợp đồng này khi sản phẩm công việc, công trình và hạng mục công trình đó đã được thi công đảm bảo đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật theo đúng với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và hồ sơ thiết kế của dự án đã được phê duyệt, và được Tư vấn giám sát và chủ đầu tư chấp nhận nghiệm thu và thanh toán”*. Như vậy, việc xây đá hộc của ông Lưu Văn B đã được tư vấn giám sát ký xác nhận theo quy định của hợp đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này là có căn cứ.

Về tiền lãi: Tại đơn khởi kiện và quá trình tiến hành tố tụng tiếp theo ông Lưu Văn B đều đề nghị tính lãi từ ngày 08/7/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 18/9/2018 với mức lãi suất là 9% nhưng Tòa án sơ thẩm lại căn cứ vào ngày ông B nộp đơn khởi kiện để tính thời gian Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán là không đúng theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng: Công ty T đã vi phạm điều khoản theo hợp đồng đã ký kết trước thời điểm khởi kiện. Như vậy Công ty T phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật. Việc ông Lưu Văn B yêu cầu tính lãi do chậm thanh toán đối với Công ty T là 9% năm kể từ ngày 08/7/2017 là trong mức quy định pháp luật, việc ông B yêu cầu tính lãi 9%/năm là bằng lãi suất cơ bản được quy định tại quyết định số: 2868/QĐ-NHNN ngày 1/12/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Tòa án áp cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 7,5% dựa trên lãi suất trên thị trường tại thời điểm thanh toán được tính trung bình của cả 03 Ngân hàng là Ngân hàng V, Ngân hàng I và Ngân hàng A là chưa phù hợp nên cần sửa về phần tính lãi đối với yêu cầu của ông Lưu Văn B Do đó số tiền lãi sẽ được tính bằng: tổng số dư nợ của Công ty T chưa thanh toán nhân với thời gian nguyên đơn yêu cầu từ tháng 08/7/2017 đến ngày 18/9/2018 là: 167.494.000 đồng x 437 ngày x 9%/năm (360 ngày) = 18.298.720 đồng.

Do vậy, buộc Công ty cổ phần xây dựng đô thị hạ tầng T phải thanh toán cho ông Lưu Văn B số tiền 185.792.720 đồng (trong đó: nợ gốc chưa thanh toán là 167.494.000 đồng, tiền lãi 18.298.720 đồng) là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

Do vậy một phần kháng cáo của Bị đơn, và một phần kháng nghị của Viện

Kiểm sát nhân dân quận H không có căn cứ để chấp nhận nên cần phải sửa án sơ thẩm.

Do sửa án sơ thẩm về số tiền nợ gốc và nợ lãi nên án phí sơ thẩm được tính lại theo quy định và người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 308 - Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.
- Điều 406 Bộ Luật Dân sự năm 2005;
- Điều 76, Điều 81 Luật Xây dựng năm 2003 sửa đổi bổ sung năm 2009;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2018/KDTM-ST ngày 18/9/2018 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Văn B Buộc Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng đô thị T phải thanh toán cho ông Lưu Văn B số tiền nợ gốc là 167.494.000 đồng, nợ lãi 18.298.720 đồng. Tổng cộng là 185.792.720 đồng.

2. Kể từ ngày 18/9/2018, Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng đô thị T tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo quy định tại Điều 357 Bộ Luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc cho ông Lưu Văn B.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng đô thị T phải chịu 9.289.636 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm được trừ vào số 300.000 tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2017/0004312 ngày 02/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H, Thành phố Hà Nội nay còn phải nộp tiếp 8.989.636 đồng.

Trả lại cho ông Lưu Văn B số tiền 5.050.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số AA/2016/0007109 ngày 27/3/2018 và 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm (đã nộp) theo biên lai số AA/2017/0004313 ngày 01/10/2018 tại

Chi cục thi hành án dân sự quận H, Thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND quận H;
- Chi cục THADS quận H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thanh Bình